

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4621 /BGTVT-VP  
V/v có ý kiến đối với dự thảo danh  
mục và nội dung TTHC nội bộ trong  
lĩnh vực GTVT

Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2024

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng; Bộ Công an;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Giao thông vận tải tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Công văn số 1927/VPCP-KSTT ngày 25/3/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ, Bộ Giao thông vận tải đã rà soát và thống kê bổ sung danh mục, nội dung thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ trong lĩnh vực GTVT (*Dự thảo danh mục và nội dung gửi kèm theo Công văn này*).

Để hoàn thiện danh mục và nội dung TTHC nội bộ, Bộ Giao thông vận tải đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu và có ý kiến đối với dự thảo nêu trên.

Ý kiến góp ý đề nghị gửi về Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản và email: [hungnv@mt.gov.vn](mailto:hungnv@mt.gov.vn) trước ngày **07/5/2024** để tổng hợp, hoàn thiện và công bố TTHC nội bộ.

*(Để đảm bảo tiến độ theo yêu cầu, trường hợp hết thời hạn nêu trên nếu các cơ quan, đơn vị không có ý kiến thì xin được xem là thống nhất với danh mục và nội dung TTHC nội bộ của Bộ GTVT)./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Danh Huy**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

**PHẦN I. DANH MỤC THHC**

**1. Danh mục THHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mà một bên không phải là Bộ GTVT (Nhóm A)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Văn bản quy định
1	Thủ tục thẩm định hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Đường thủy nội địa	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
2	Thủ tục xin ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Đường thủy nội địa	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
3	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Đường thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 10/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
4	Thủ tục xin ý kiến công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy	Đường thủy nội địa	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định

	nội địa đã được công bố hoạt động			về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
5	Thủ tục phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đường thủy nội địa	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
6	Lấy ý kiến về nội dung trong quy hoạch có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải
7	Thủ tục Phê quyết quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển và trên các vùng biển	Hàng hải	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải
8	Thủ tục phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn	Hàng hải	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn
9	Thủ tục phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển	Hàng hải	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch

10	Thủ tục phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước	Hàng hải	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch
11	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển	Hàng hải	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch
12	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước	Hàng hải	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch
13	Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế	Hàng không	Cảng vụ Hàng không Miền bắc; Cảng vụ Hàng không Miền Trung; Cảng vụ Hàng không Miền Nam	Thông tư 13/2019/TTBGTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

**2. Danh mục TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương có phạm vi giải quyết trong bộ, cơ quan, địa phương, được quy định đầy đủ tại các văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (Nhóm B1)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Văn bản quy định
1	Thủ tục lấy ý kiến Cảng vụ hàng hải khi thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia	ĐTNĐ	Cảng vụ hàng hải	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 10/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
2	Thủ tục thẩm định hồ sơ phê duyệt đánh giá an ninh, kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa.	ĐTNĐ	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
3	Tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia	Đường sắt	Bộ GTVT	Thông tư số 29/2023/TTBGTVT

**3. Danh mục TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương được quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương (Nhóm B3)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Văn bản quy định
1	Cấp thẻ công chức thanh tra	Thanh tra, kiểm tra	- Thanh tra Bộ - Các cục: Đường sắt Việt Nam, Đường Bộ Việt Nam, Đường thủy nội địa, Hàng không Việt Nam, Hàng hải Việt Nam, Đăng kiểm Việt Nam	Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013
2	Cấp thẻ kiểm tra	Thanh tra, kiểm tra	- Thanh tra Bộ - Các cục: Đường sắt Việt Nam, Đường Bộ Việt Nam, Đường thủy nội địa, Hàng không Việt Nam, Hàng hải Việt Nam, Đăng kiểm Việt Nam	Thông tư số 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013
3	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hàng năm do Bộ Giao thông vận tải quản lý	Đường thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
4	Thủ tục Chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì thuộc công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do	Đường thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc

	Bộ Giao thông vận tải quản lý			kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
5	Thủ tục Phê duyệt dự toán kinh phí quản lý, bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý	Đường thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
6	Thủ tục phê duyệt Nội quy cảng biển	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
7	Thủ tục cấp thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan tàu biển; Thông tư số 33/2017/TT-BGTVT ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan kiểm tra tàu biển
8	Thủ tục đổi thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan tàu biển; Thông tư số

				33/2017/TT-BGTVT ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16 /12/ 2013 quy định về sỹ quan kiểm tra tàu biển
9	Thủ tục cấp lại thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam	Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan tàu biển; Thông tư số 33/2017/TT-BGTVT ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16 /12/ 2013 quy định về sỹ quan kiểm tra tàu biển
10	Thủ tục phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
11	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi,



				bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch
12	Thủ tục phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm do Bộ Giao thông vận tải quản lý	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/ 07 /2022 quy định về bảo trì công trình hàng hải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành
13	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/ 07 /2022 quy định về bảo trì công trình hàng hải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành
14	Phê duyệt dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải do Cục Hàng hải Việt Nam quản lý	Hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/ 07 /2022 quy định về bảo trì công trình hàng hải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành
15	Thủ tục bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải	Giám định tư pháp	Bộ trưởng Bộ GTVT	Thông tư số 07/2021/TTBGTVT ngày 08/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.
16	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải	Giám định tư pháp	Bộ trưởng Bộ GTVT	Thông tư số 07/2021/TTBGTVT ngày 08/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về giám định tư pháp

				trong lĩnh vực giao thông vận tải.
17	Thủ tục thẩm định dự thảo văn bản QPPL	Giám định tư pháp	Bộ trưởng Bộ GTVT	Thông tư 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định ban hành văn bản QPPL
18	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải	Khác	Bộ trưởng Bộ GTVT	Thông tư số 07/2021/TT-BGTVT ngày 08/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.
19	Thủ tục thẩm định dự thảo văn bản QPPL	Khác	Vụ Pháp chế	Thông tư 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định ban hành văn bản QPPL
20	Công bố thủ tục hành chính	Khác	Bộ trưởng Bộ GTVT	Thông tư 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định ban hành văn bản QPPL

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC

### A. TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mà một bên không phải là Bộ GTVT (Nhóm A)

#### I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa

##### 1. Thủ tục thẩm định hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

+ Khi có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài, chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia), Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) để thẩm định.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì gửi báo cáo kết quả thẩm định và 01 bộ hồ sơ về Bộ Giao thông vận tải.

- Cách thức thực hiện: Trước khi thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài, Bộ Giao thông vận tải phải nhận được ý kiến thẩm định bằng văn bản của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia) hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Báo cáo kết quả thẩm định;

+ 01 bộ hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài gồm: Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu; Hồ sơ dự án; Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); Bình đồ vị trí xây dựng cảng thủy nội địa (thể hiện địa danh, vị trí công trình cảng, kho, bãi, vùng nước, lý trình (km) sông, kênh, rạch; vùng đất; các công trình liên kề (nếu có), vùng nước trên bản vẽ phải thể hiện chiều rộng tối thiểu từ mép bờ đến hết chiều rộng luồng. Bình đồ được lập trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 và cao độ nhà nước, có tỷ lệ từ 1/500 đến 1/1.000).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục: Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

***2. Thủ tục xin ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài***

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải đối với hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.

- Cách thức thực hiện: Trước khi thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài, Bộ Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản xin ý kiến

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục: Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

### ***3. Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài***

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

+ Chủ thể thực hiện thủ tục hành chính nộp hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia), Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) để thẩm định.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.

- Cách thức thực hiện: Trước khi công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài, Bộ Giao thông vận tải phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia) hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Báo cáo kết quả thẩm định;

+ 01 bộ hồ sơ công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gồm: Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu; Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu văn bản phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền; Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp; Bản sao quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình cảng thủy nội địa; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình cảng thủy nội địa; Biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng; Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của pông-tông, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng pông-tông làm cầu cảng); Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Bản sao giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài); Bản sao quyết định công bố mở luồng chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) đối với trường hợp cảng thủy nội địa có luồng chuyên dùng.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục:

Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: khoản 3 Điều 1 Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 10/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

#### ***4. Thủ tục xin ý kiến công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động***

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

- + Trường hợp cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động, nếu có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, chủ cảng có văn bản báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

- + Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với cảng thủy nội địa.

- + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải.

- + Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gửi chủ cảng.

- Cách thức thực hiện: Trước khi công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động, Bộ Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản xin ý kiến
- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải



- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

### **5. Thủ tục phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

- Trình tự thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Cách thức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

+ Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện;

+ Báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

+ Các tài liệu khác (nếu có).

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):

Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.



## **II. Lĩnh vực Hàng hải**

### **1. Lấy ý kiến về nội dung trong quy hoạch có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải**

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

+ Khi tiến hành xây dựng quy hoạch chuyên ngành có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải, các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời về sự phù hợp của nội dung quy hoạch đối với phạm vi bảo vệ công trình hàng hải, trường hợp nội dung quy hoạch không phù hợp với phạm vi bảo vệ công trình hàng hải, Bộ GTVT phải hướng dẫn.

- Cách thức thực hiện: Khi tiến hành xây dựng quy hoạch chuyên ngành có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ công trình hàng hải, các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản xin ý kiến

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời về sự phù hợp của nội dung quy hoạch đối với phạm vi bảo vệ công trình hàng hải

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a): Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải.

### **2. Phê duyệt quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển và trên các vùng biển**

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển và trên các vùng biển, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Cách thức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển và trên các vùng biển, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển và trên các vùng biển.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a): Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải.

### **3. Phê duyệt và quản lý quy hoạch phát triển cảng cạn**

- Trình tự thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn; kiến nghị điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn.
- Cách thức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng chính phủ
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển cảng cạn
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a): Không quy định
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 /4/2017 của Chính phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn

### **4. Phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước**

- Trình tự thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Cách thức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước trình Thủ tướng Chính phủ.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:
  - + Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;
  - + Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện;
  - + Báo cáo kết quả thẩm định; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
  - + Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;
  - + Các tài liệu khác (nếu có).
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

#### **5. Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển**

- Trình tự thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch
- Cách thức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
  - + Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;
  - + Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện;
  - + Báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
  - + Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;
  - + Các tài liệu khác (nếu có).
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch

**6. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước**

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):*

+ Bộ Giao thông vận tải giao cơ quan lập quy hoạch thực hiện lập, trình báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

+ Bộ Giao thông vận tải rà soát, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

+ Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

- Cách thức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch điều chỉnh quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: tờ trình điều chỉnh quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):*

Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/ 6/ 2019 hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch

**7. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển**

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):*

+ Bộ Giao thông vận tải giao cơ quan lập quy hoạch thực hiện lập, trình báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

+ Bộ Giao thông vận tải rà soát, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

+ Trình cấp Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

- Cách thức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải trình kế hoạch điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Trình điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

### **III. Lĩnh vực Hàng không**

#### ***1. Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế***

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)

+ Cơ quan công an, hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế chịu trách nhiệm về hồ sơ, lý lịch, nhân thân, nhiệm vụ của người được đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ và cấp thẻ. Trường hợp không cấp có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp cho cơ quan đề nghị cấp.

- Cách thức thực hiện:
- + Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- + Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- + Hình thức phù hợp khác.
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- + Văn bản đề nghị theo mẫu;

+ Danh sách cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay quốc tế, bao gồm các thông tin về họ và tên, chức vụ, đơn vị làm việc, khu vực hoạt động của người đề nghị cấp thẻ;

+ 02 ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét (ảnh chụp mặc trang phục của ngành trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc ảnh chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

- Thời hạn giải quyết: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng không Miền bắc; Cảng vụ Hàng không Miền trung; Cảng vụ Hàng không Miền nam.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

- Phí, lệ phí (nếu có): Phí thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay: Thẻ sử dụng dài hạn: 150.000đ/lần.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a): Văn bản đề nghị.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

+ Thông tư 42/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam và Thông tư số 41/2022/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;

+ Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

**c) Mẫu văn bản đề nghị:****MẪU CÔNG VĂN**

Tên đơn vị đề nghị...

Name of organization

-----

Số (Number):...../..... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

V/v (Subject): .....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không) ....., (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) ..... giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: (2).....  
Details of issue and subject and its justification.
2. Nội dung đề nghị: .....  
Details of proposal.
3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

(As above)

- ....;

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****HEAD OF ORGANIZATION/UNIT**

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)



- Lưu ... (Save)

**d) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

**Mẫu thẻ kiểm soát an ninh Cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (Thẻ dài hạn):**

1 Chất liệu thẻ bằng nhựa PVC màu trắng, kích thước thẻ 5,3 cen-ti-mét x 8,5 cen-ti-mét.

2. Mặt trước thẻ chia làm 5 phần bao gồm:

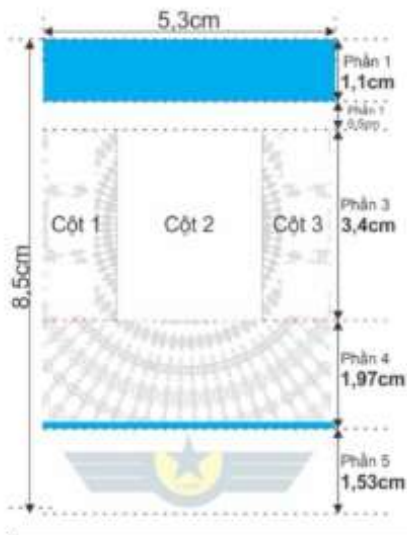
a) Phần thứ 1: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,1 cen-ti-mét nền màu xanh cô ban (C:100; M:0; Y:0; K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp thẻ bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

b) Phần thứ 2: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền trắng (C:0; M:0; Y:0; K:0), có các nội dung: đơn vị cấp thẻ, số thẻ và thời hạn hiệu lực của thẻ.

c) Phần thứ 3: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 3,4 cen-ti-mét nền hoa văn màu xám (C:0; M:0; Y:0; K:30), chia làm 03 cột có các nội dung: khu vực hạn chế được phép vào hoạt động và ảnh của người được cấp thẻ.

d) Phần thứ 4: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,97 cen-ti-mét nền hoa văn màu xám (C:0; M:0; Y:0; K:30), có các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động.

đ) Phần thứ 5: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,53 cen-ti-mét nền có biểu tượng (logo) Cục Hàng không Việt Nam in chìm mờ T-ram 65% nằm chính giữa, có các nội dung: Họ và tên người được cấp thẻ, chức danh, tên cơ quan đơn vị của người được cấp thẻ.



Mặt sau thẻ nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng thẻ





**B. TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương có phạm vi giải quyết trong bộ, cơ quan, địa phương, được quy định đầy đủ tại các văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (Nhóm B1)**

### **I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa**

**1. Thủ tục lấy ý kiến Cảng vụ hàng hải khi thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia**

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

+ Trường hợp cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải bằng văn bản.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ hàng hải có văn bản trả lời.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản xin ý kiến.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng hải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản có ý kiến của Cảng vụ Hàng hải.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: điểm d khoản 1 Điều 1 Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 10/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

**2. Thủ tục thẩm định hồ sơ phê duyệt đánh giá an ninh, kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa.**

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

+ Người quản lý khai thác cảng lập hồ sơ theo quy định và nộp 03 bộ trực tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt đánh giá an ninh, kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Báo cáo kết quả thẩm định;

+ 02 bộ hồ sơ:

- Đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh, gồm: Đơn nghị phê duyệt đánh giá an ninh theo Mẫu; Bản đánh giá an ninh;

- Đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, gồm: Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo Mẫu; Bản đánh giá an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Kế hoạch an ninh;

- Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa, gồm: Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo Mẫu; Bản đánh giá an ninh; Biên bản các buổi tập huấn hoặc diễn tập hoặc huấn luyện theo chương trình Kế hoạch an ninh được phê duyệt; Bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh (để xác nhận vào trang sau của giấy chứng nhận).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cảng vụ Đường thủy nội địa

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):

Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 43 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

## **II. Lĩnh vực Đường sắt:**

### ***1. Tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia***

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, đề xuất Bộ Giao thông vận tải quyết định tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia đối với các đường ngang chưa tổ chức phòng vệ theo hình thức có người gác đối với hành lang an toàn giao thông tại đường ngang không bảo đảm tầm nhìn theo quy định của Nghị định quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt; đường bộ tại đường ngang đã được nâng cấp từ cấp VI trở lên.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các đường ngang chưa đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 điều 11 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

**C. TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan, địa phương được quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương (Nhóm B3)**

**I. Lĩnh vực thanh tra chuyên ngành GTVT**

**1. Cấp thẻ công chức thanh tra**

- Trình tự thực hiện: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị Chánh Thanh tra Bộ quyết định cấp mới, cấp đổi, cấp lại và thu hồi thẻ công chức thanh tra đối với công chức thanh tra do mình quản lý.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ cấp mới, đổi thẻ công chức thanh tra bao gồm: (1) Công văn đề nghị cấp mới, đổi thẻ công chức thanh tra của Tổng cục trưởng, Cục trưởng quản lý công chức; (2) Danh sách trích ngang của người được cấp thẻ công chức, gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ và cơ quan, đơn vị công tác, trình độ chuyên môn, các lớp nghiệp vụ đã qua; lý do cấp mới, đổi thẻ theo Mẫu số 3, Mẫu số 4 Phụ lục III của Thông tư này; (3) Quyết định công nhận công chức thanh tra (bản photocopy); (4) Ảnh màu chân dung cá nhân, kiểu chứng minh thư khổ 23mm x 30mm, mặc trang phục thanh tra, ảnh chụp không quá 06 tháng, có ghi rõ họ tên, cơ quan, đơn vị phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh của từng người (mỗi công chức thanh tra 02 ảnh); (5) Thẻ công chức thanh tra cũ, đối với trường hợp đổi thẻ công chức thanh tra.

+ Hồ sơ cấp lại thẻ công chức thanh tra bao gồm: (1) Đơn báo cáo, giải trình của công chức thanh tra có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về việc xác nhận đối với trường hợp bị cướp giật, trộm cắp; (2) Công văn đề nghị cấp lại thẻ công chức thanh tra của Tổng cục trưởng, Cục trưởng; (3) Danh sách trích ngang gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ và cơ quan, đơn vị công tác, trình độ chuyên môn, các lớp nghiệp vụ đã qua; lý do đề nghị cấp lại thẻ công chức thanh tra theo Mẫu số 5 Phụ lục III của Thông tư này; (4) Ảnh màu chân dung cá nhân, kiểu chứng minh thư khổ 23 mm x 30mm, mặc trang phục thanh tra, ảnh chụp không quá 06 tháng, có ghi rõ họ tên, đơn vị phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh của từng người (mỗi công chức thanh tra 02 ảnh).

- Thời hạn giải quyết: theo quy định;

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thanh tra Bộ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Các cục: Đường bộ Việt Nam, Đường sắt Việt Nam, Đường thủy nội địa Việt Nam, Hàng không Việt Nam, Hàng hải Việt Nam.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: đảm bảo theo quy định.

- Phí, lệ phí (nếu có): không;
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CÔNG CHỨC THANH TRA, DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THÔI CÔNG NHẬN CÔNG CHỨC THANH TRA, DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA, DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ ĐỔI THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA, DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013.

## **2. Cấp thẻ kiểm tra**

- Trình tự thực hiện: Chánh Thanh tra Bộ quyết định cấp, thu hồi thẻ kiểm tra cho công chức, viên chức thuộc các Cảng vụ Hàng không, Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ đề nghị cấp mới, đổi thẻ kiểm tra: (1) Công văn đề nghị cấp mới, cấp đổi thẻ kiểm tra của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Chánh Thanh tra Sở; (2) Danh sách trích ngang người được cấp thẻ kiểm tra, gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ và đơn vị công tác, trình độ chuyên môn, các lớp nghiệp vụ đã qua; (3) Bản sao có công chứng hoặc chứng thực các loại văn bằng, chứng chỉ theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Thông tư này; (4) Quyết định phân công nhiệm vụ của Giám đốc Cảng vụ Hàng không, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải, Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với viên chức làm việc tại Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Hàng không và Cảng vụ Đường thủy nội địa); (5) Ảnh màu chân dung cá nhân, kiểu chứng minh thư khổ 23mm x 30mm, mặc trang phục thanh tra, ảnh chụp không quá 06 tháng, có ghi rõ họ tên, đơn vị phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh của từng người (mỗi công chức, viên chức 02 ảnh).

+ Cấp lại thẻ kiểm tra: (1) Đơn báo cáo, giải trình của công chức, viên chức về lý do đề nghị cấp lại thẻ kiểm tra, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về việc xác nhận đối với trường hợp bị cướp giật, trộm cắp; (2) Công văn đề nghị cấp lại thẻ kiểm tra của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Chánh Thanh tra Sở; (3) Danh sách trích ngang gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ và đơn vị công tác, trình độ chuyên môn, các lớp nghiệp vụ đã qua, mã số thẻ kiểm tra đã được cấp; lý do đề nghị cấp lại thẻ kiểm tra; (4) Ảnh màu chân dung cá nhân, kiểu chứng minh thư khổ 23mm x 30mm, mặc trang phục thanh tra, ảnh chụp không quá 06 tháng,

có ghi rõ họ tên, đơn vị phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh của từng người (mỗi công chức 02 ảnh).

- Thời hạn giải quyết: theo quy định;
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thanh tra Bộ.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng không, Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: đảm bảo theo quy định.
- Phí, lệ phí (nếu có): không;
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không;
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư 68/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013.

## **II. Lĩnh vực Đường thủy nội địa**

### ***1. Phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hàng năm do Bộ Giao thông vận tải quản lý***

- Trình tự thực hiện:

+ Hàng năm, căn cứ hiện trạng kỹ thuật của công trình đường thủy nội địa, về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử bảo trì công trình, thực tế trên các tuyến (luồng) đường thủy nội địa, vùng nước, các thông tin và dữ liệu khác, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế kỹ thuật, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổng hợp, rà soát, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí nhu cầu quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của năm sau trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 5 hàng năm;

+ Bộ Giao thông vận tải rà soát, chấp thuận kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm; tổng hợp kế hoạch và dự kiến kinh phí quản lý, bảo trì vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải;

+ Trên cơ sở Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính và kinh phí cho quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức rà soát danh mục công trình, hạng mục công trình cần thiết, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình Bộ Giao thông vận tải chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải;

+ Bộ Giao thông vận tải tổ chức phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Cách thức thực hiện: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức rà soát danh mục công trình, hạng mục công trình cần thiết, lập hồ sơ dự kiến kinh phí cho các công trình đường thủy nội địa, tổng hợp lập kế hoạch kinh phí quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình Bộ Giao thông vận tải chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hàng năm.

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hàng năm.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

## ***2. Chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì thuộc công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý.***

- Trình tự thực hiện:

+ Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam được điều chỉnh chuẩn tắc nạo vét, thanh thải vật chướng ngại về khối lượng, kinh phí dự kiến thực hiện của công trình nhưng không tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình, không làm tăng tổng kinh phí dự kiến trong kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, khai thác tối đa hiệu quả tuyến luồng, đồng thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải việc điều chỉnh; tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trước ngày 01 tháng 11 hàng năm;



+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong các trường hợp: điều chỉnh tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình đã được phê duyệt kế hoạch; tăng tổng kinh phí dự kiến thực hiện; thời gian thực hiện; công trình không thực hiện; bổ sung công trình ngoài kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa đã được phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình xin chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

### ***3. Phê duyệt dự toán kinh phí quản lý, bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý***

- Trình tự thực hiện:

Các đơn vị trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam được giao quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, các Sở Giao thông vận tải các tỉnh được Bộ Giao thông ủy quyền quản lý và các đơn vị tư vấn đủ năng lực ký hợp đồng nguyên tắc tổ chức lập dự toán bảo trì cho năm sau và trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

- Cách thức thực hiện: Các đơn vị trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam được giao quản lý, khai thác công trình, các Sở Giao thông vận tải được Bộ Giao thông vận tải ủy quyền quản lý và các đơn vị tư vấn hợp pháp tổ chức lập dự toán bảo trì cho năm sau và trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.



- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình dự toán kinh phí quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng cho năm sau
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí bảo trì cho năm sau
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

### **III. Lĩnh vực Hàng hải:**

#### ***1. Phê duyệt nội quy cảng biển***

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):
  - + Nội quy cảng biển bao gồm các quy định về tàu thuyền, công trình hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động hàng hải tại cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.
  - + Nội quy cảng biển được xây dựng theo quy định Nghị định này, các quy định khác có liên quan của pháp luật và điều kiện thực tế hoạt động hàng hải tại cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.
  - + Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt Nội quy cảng biển theo đề nghị của Giám đốc Cảng vụ hàng hải và ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị phê duyệt nội quy cảng biển
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng hải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản phê duyệt Nội quy cảng biển.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

## **2. Thủ tục cấp thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển**

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

Thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển do Cục Hàng hải Việt Nam cấp có thời hạn năm, gồm hai loại:

+ Thẻ Sỹ quan kiểm tra tàu biển Việt Nam cấp cho Sỹ quan kiểm tra tàu biển Việt Nam theo mẫu quy định;

+ Thẻ Sỹ quan kiểm tra nhà nước cảng biển cấp cho Sỹ quan kiểm tra nhà nước cảng biển theo mẫu quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Quyết định công nhận kết quả sát hạch sỹ quan kiểm tra tàu biển;

+ Văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị;

+ 02 ảnh 3x4 cm mới chụp trong vòng 06 tháng.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng hải

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Thẻ Sỹ quan kiểm tra tàu biển Việt Nam

+ Thẻ Sỹ quan kiểm tra nhà nước cảng biển

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):

+ Mẫu thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển Việt Nam;

+ Mẫu thẻ sỹ quan kiểm tra nhà nước cảng biển.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan tàu biển;

+ Thông tư số 33/2017/TT-BGTVT ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan kiểm tra tàu biển.

## **3. Thủ tục đổi thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển**

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính): Thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển được đổi khi hết hạn

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, trong đó nêu rõ số lượt tàu biển đã kiểm tra hoặc thời gian công tác liên quan đến kiểm tra tàu biển;

- + Bản phô tô thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển;
- + 02 ảnh 3x4 cm mới chụp trong vòng 06 tháng.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng hải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
- + Mẫu thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển Việt Nam;
- + Mẫu thẻ sỹ quan kiểm tra nhà nước cảng biển.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):

Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển được đổi khi hết hạn và Sỹ quan kiểm tra tàu biển phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- + Thực hiện kiểm tra 60 lượt tàu biển trong vòng 05 năm hoặc có thời gian công tác liên quan đến kiểm tra tàu biển liên tục trong vòng 02 năm;
- + Tham gia khóa cập nhật, bổ sung về nghiệp vụ kiểm tra tàu biển;
- + Đạt kết quả kỳ sát hạch sỹ quan kiểm tra tàu biển do Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan tàu biển;

+ Thông tư số 33/2017/TT-BGTVT ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16 /12/ 2013 quy định về sỹ quan kiểm tra tàu biển

#### **4. Thủ tục cấp lại thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển**

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):

Thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển được cấp lại trong trường hợp bị hỏng hoặc bị mất. Thủ trưởng đơn vị gửi văn bản đề nghị kèm theo 02 ảnh 3x4 cm mới chụp trong vòng 06 tháng gửi về Cục Hàng hải Việt Nam để Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp lại.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:
  - + Văn bản đề nghị;
  - + 02 ảnh 3x4 cm mới chụp trong vòng 06 tháng.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng hải
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- + Mẫu thẻ sỹ quan kiểm tra tàu biển Việt Nam;
- + Mẫu thẻ sỹ quan kiểm tra nhà nước cảng biển.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):

Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
  - + Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan tàu biển;
  - + Thông tư số 33/2017/TT-BGTVT ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BGTVT ngày 16/12/2013 quy định về sỹ quan kiểm tra tàu biển

#### **5. *Phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển.***

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính): Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển.

- Cách thức thực hiện: Cục Hàng hải Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;
- + Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện;
- + Báo cáo kết quả thẩm định; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- + Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;
- + Các tài liệu khác (nếu có).

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):

Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

#### **6. *Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước***

**cảng biển**

- Trình tự thực hiện:
    - + Bộ Giao thông vận tải giao cơ quan lập quy hoạch thực hiện lập, trình báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch.
    - + Bộ Giao thông vận tải rà soát, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.
    - + Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.
  - Cách thức thực hiện: cơ quan lập quy hoạch thực hiện lập, trình báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch.
  - Thành phần, số lượng hồ sơ: tờ trình điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển
    - Thời hạn giải quyết: Không quy định
    - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
    - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
    - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển
    - Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định
    - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định
    - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định
    - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- 7. phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm**
- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính):
    - + Hàng năm, căn cứ tình trạng kỹ thuật của công trình, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử bảo trì công trình, thực tế tuyến luồng hàng hải, khu nước, vùng nước, các thông tin và dữ liệu khác, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế kỹ thuật, Cục Hàng hải Việt Nam rà soát, tổng hợp, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí nhu cầu bảo trì công trình hàng hải của năm sau trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 5 hàng năm;
    - + Bộ Giao thông vận tải rà soát, chấp thuận kế hoạch nhu cầu bảo trì công trình cho năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm; tổng hợp kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải;
    - + Trên cơ sở Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính và kinh phí cho bảo trì công trình hàng hải, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức rà soát danh mục công trình, hạng mục công trình cần thiết, lập kế hoạch và

dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải, trình Bộ Giao thông vận tải chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải;

+ Bộ Giao thông vận tải tổ chức phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Cục Hàng hải Việt Nam.

- Cách thức thực hiện: Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức rà soát danh mục công trình, hạng mục công trình cần thiết, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải, trình Bộ Giao thông vận tải chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

#### **8. Chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý**

- Trình tự thực hiện

+ Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, Cục Hàng hải Việt Nam được điều chỉnh chuẩn tắc nạo vét, khối lượng, kinh phí dự kiến thực hiện của công trình nhưng không tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình, không làm tăng tổng kinh phí dự kiến trong kế hoạch bảo trì công trình hàng hải đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, khai thác tối đa hiệu quả tuyến luồng, đồng thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải việc điều chỉnh; tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình hàng hải trước ngày 01 tháng 11 hàng năm;

+ Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải trong các trường hợp: điều chỉnh tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình đã được phê duyệt kế hoạch; tăng tổng kinh phí dự kiến thực hiện; thời gian thực hiện; công trình

không thực hiện; bổ sung công trình ngoài kế hoạch bảo trì công trình hàng hải đã được phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình xin chấp thuận điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình hàng hải

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

### ***9. Phê duyệt dự toán kinh phí bảo trì các công trình hàng hải do đơn vị trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam quản lý***

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)

Các đơn vị trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam được giao quản lý, khai thác công trình tổ chức lập dự toán bảo trì cho năm sau và gửi Cục Hàng hải Việt Nam trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

- Cách thức thực hiện: Các đơn vị trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam được giao quản lý, khai thác công trình tổ chức lập dự toán bảo trì cho năm sau và gửi Cục Hàng hải Việt Nam trước ngày 30 tháng 6 hàng năm

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải cho năm sau

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí bảo trì cho năm sau

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không quy định



- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/ 07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

#### **IV. Lĩnh vực Giám định tư pháp**

##### **1. Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải**

- Trình tự thực hiện:
  - + Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 của Thông tư này, lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Vụ Tổ chức cán bộ;
  - + Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xem xét hồ sơ, lựa chọn và trình Bộ trưởng quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối không bổ nhiệm, Vụ Tổ chức cán bộ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp;
  - + Trên cơ sở quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ lập, gửi danh sách giám định viên tư pháp gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp vào danh sách chung theo quy định;
  - + Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm đăng tải danh sách nêu trên trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách.
  - + Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp được cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải;
  - + Người có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định có thẩm quyền cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.
- Cách thức thực hiện: qua hệ thống sdoc
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
  - + Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp.
  - + Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm.
  - + Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp.



+ Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc.

+ Chúng chỉ đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm giám định tư pháp và thẻ giám định viên tư pháp - Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a): Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

+ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp và Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

+ Thông tư số 07/2021/TT-BGTVT ngày 08/4/2021 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.

## ***2. Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải***

- Trình tự thực hiện:

+ Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ rà soát, lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế kiểm tra hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.

- Cách thức thực hiện: qua hệ thống sdoc

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp;

+ Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a): Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): thuộc các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

+ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp và Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

+ Thông tư số 07/2021/TT-BGTVT ngày 08/4/2021 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.

### **3. Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật**

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình gửi đầy đủ hồ sơ thẩm định theo quy định đến Vụ Pháp chế. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Vụ Pháp chế chuyển trả hồ sơ đề nghị thẩm định cho cơ quan tham mưu trình trong 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Vụ Pháp chế tổ chức thẩm định hoặc tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định (đối với các thông tư có quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do tổ chức pháp chế chủ trì soạn thảo) bao gồm các Vụ, Cục, các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan để tổ chức thẩm định. Đồng thời, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc mời Văn phòng Bộ tham gia thẩm định nội dung thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Vụ Pháp chế thực hiện thẩm định các nội dung theo quy định.

+ Sau khi thẩm định, Vụ Pháp chế gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan tham mưu trình.

+ Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, hoàn chỉnh dự thảo văn bản.

- Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ giấy và qua hệ thống sdoc

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ đối với dự thảo văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

+ Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, quá trình soạn thảo, nội dung chủ yếu của văn bản, những vấn đề còn ý kiến khác nhau, tài liệu tham khảo; Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

+ Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi đã được cơ quan tham mưu trình chỉnh lý;

+ Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo văn bản;

+ Bản đánh giá thủ tục hành chính nếu dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bản chụp văn bản tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

+ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản;

+ Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; nghị định theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản;

+ Ý kiến của cơ quan tham mưu trình đối với dự thảo văn bản;

+ Bảng so sánh dự thảo văn bản với văn bản hiện hành (trong đó phải nêu rõ căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung của từng nội dung);

+ Văn bản thẩm định của tổ chức pháp chế (trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản là các Cục) và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của tổ chức pháp chế;

+ Ý kiến của Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) đối với dự thảo văn bản;

+ Tài liệu tham khảo (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ gửi Vụ Pháp chế thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật là 02 bộ.

Hồ sơ đối với dự thảo thông tư, bao gồm:

+ Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;

- + Dự thảo thông tư sau khi đã được chỉnh lý;
- + Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo; bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- + Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư (nếu có); bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật giao quy định thủ tục hành chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;
- + Bảng so sánh dự thảo văn bản với văn bản hiện hành (trong đó phải nêu rõ căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung của từng nội dung);
- + Ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan tham mưu trình dự thảo văn bản hoặc các cơ quan liên quan (nếu có);
- + Văn bản thẩm định của tổ chức pháp chế (trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản là các Cục) và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của tổ chức pháp chế;
- + Báo cáo thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với hồ sơ dự thảo thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- + Ý kiến của Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) đối với dự thảo văn bản;
- + Tài liệu tham khảo (nếu có).
- Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đối tượng thực hiện xây dựng văn bản QPPL (các Vụ, Cục thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Viện Chiến lược và Phát triển GTVT)
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Pháp chế - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế 7
- Phí, lệ phí (nếu có): Không có
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a): Không có
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
  - + Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 22/6/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 18 tháng 6 năm 2020;
  - + Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
  - + Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng

5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

+ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

+ Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định việc ban hành văn bản QPPL của Bộ GTVT.

## **V. Lĩnh vực khác**

### ***1. Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải***

- Trình tự thực hiện:

+ Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ rà soát, lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020) gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế kiểm tra hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp;

+ Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):  
Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

+ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp và Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

+ Thông tư số 07/2021/TT-BGTVT ngày 08/4/2021 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.

## **2. Thủ tục thẩm định văn bản quy phạm pháp luật**

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan tham mưu trình gửi đầy đủ hồ sơ thẩm định theo quy định đến Vụ Pháp chế. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Vụ Pháp chế chuyên trả hồ sơ đề nghị thẩm định cho cơ quan tham mưu trình trong 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Vụ Pháp chế tổ chức thẩm định hoặc tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định (đối với các thông tư có quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do tổ chức pháp chế chủ trì soạn thảo) bao gồm các Vụ, Cục, các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan để tổ chức thẩm định. Đồng thời, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc mời Văn phòng Bộ tham gia thẩm định nội dung thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Vụ Pháp chế thực hiện thẩm định các nội dung theo quy định.

+ Sau khi thẩm định, Vụ Pháp chế gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan tham mưu trình.

+ Cơ quan tham mưu trình chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, hoàn chỉnh dự thảo văn bản.

- Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ giấy và qua hệ thống sdoc

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đối với dự thảo văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

+ Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, quá trình soạn thảo,



nội dung chủ yếu của văn bản, những vấn đề còn ý kiến khác nhau, tài liệu tham khảo; Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

+ Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi đã được cơ quan tham mưu trình chỉnh lý;

+ Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo văn bản;

+ Bản đánh giá thủ tục hành chính nếu dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bản chụp văn bản tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

+ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản;

+ Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; nghị định theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản;

+ Ý kiến của cơ quan tham mưu trình đối với dự thảo văn bản;

+ Bảng so sánh dự thảo văn bản với văn bản hiện hành (trong đó phải nêu rõ căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung của từng nội dung);

+ Văn bản thẩm định của tổ chức pháp chế (trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản là các Cục) và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của tổ chức pháp chế;

+ Ý kiến của Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) đối với dự thảo văn bản;

+ Tài liệu tham khảo (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ gửi Vụ Pháp chế thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật là 02 bộ.

Hồ sơ đối với dự thảo thông tư, bao gồm:

+ Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;

+ Dự thảo thông tư sau khi đã được chỉnh lý;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo; bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

+ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư (nếu có); bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật giao quy định thủ tục hành chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;



+ Bảng so sánh dự thảo văn bản với văn bản hiện hành (trong đó phải nêu rõ căn cứ, lý do sửa đổi, bổ sung của từng nội dung);

+ Ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan tham mưu trình dự thảo văn bản hoặc các cơ quan liên quan (nếu có);

+ Văn bản thẩm định của tổ chức pháp chế (trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản là các Cục) và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của tổ chức pháp chế;

+ Báo cáo thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với hồ sơ dự thảo thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

+ Ý kiến của Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) đối với dự thảo văn bản;

+ Tài liệu tham khảo (nếu có).

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đối tượng thực hiện xây dựng văn bản QPPL (các Vụ, Cục thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Viện Chiến lược và Phát triển GTVT)

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Pháp chế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 22/6/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 18 tháng 6 năm 2020;

+ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

+ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

+ Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ GTVT.

### 3. Thủ tục công bố thủ tục hành chính

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm xây dựng dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính và gửi đến Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) để trình Bộ trưởng ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính theo quy định chậm nhất trước 35 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành; chậm nhất sau 01 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành).

+ Văn phòng Bộ phải trình Bộ trưởng ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính quy định tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành; chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành).

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính

- Thời hạn giải quyết:

+ Chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành;

+ Chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố thủ tục hành chính.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

+ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

+ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

+ Thông tư 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định ban hành văn bản QPPL.